

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

HUỲNH THỊ MỸ LỆ

PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN ĐÀ NẴNG

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2012

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: TS. NINH THỊ THU THỦY

Phản biện 1: TS. Trương Sĩ Quý

Phản biện 2: TS. Trần Thị Bích Hạnh

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 07 tháng 06 năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài: Trước yêu cầu của hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, cùng với sự phát triển của các ngành kinh tế khác, ngành du lịch có những bước phát triển đáng kể và ngày càng tỏ rõ vị trí quan trọng của mình trong cơ cấu kinh tế chung. Tuy có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển du lịch biển, nhưng trên thực tế, du lịch biển ở Đà Nẵng vẫn chưa phát huy được lợi thế để “kéo” khách du lịch, chưa phát triển đúng với tiềm năng của mình. Vì vậy, việc làm rõ thực trạng và gợi ý một số giải pháp nhằm phát triển du lịch biển của thành phố Đà Nẵng là vấn đề cần thiết hiện nay. Xuất phát từ tính thiết thực của vấn đề, tác giả chọn đề tài “*Phát triển du lịch biển Đà Nẵng*”.

2. Mục đích nghiên cứu: Làm rõ một số cơ sở lý luận và thực trạng phát triển du lịch biển tại thành phố Đà Nẵng, đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển du lịch biển của thành phố Đà Nẵng.

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: là những vấn đề lý luận về phát triển du lịch biển, thực trạng phát triển du lịch biển tại thành phố Đà Nẵng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu: là thực trạng phát triển du lịch biển tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2005-2011 và các giải pháp, kiến nghị trong đề tài có ý nghĩa trong thời gian đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu: Đề tài sử dụng phương pháp thống kê, tổng hợp và phân tích, đối chiếu, so sánh, khảo sát kinh nghiệm thực tế... để phân tích thực trạng và qua đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện phù hợp.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài: Về mặt lý luận, đề tài đã hệ thống hóa và làm sáng tỏ được một số khái niệm cơ bản về du

lịch, du lịch biển, vai trò hoạt động du lịch biển đối với phát triển kinh tế - xã hội, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch biển, nội dung và tiêu chí phát triển du lịch biển... Về mặt nghiên cứu thực tiễn, thông qua việc phân tích cụ thể tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch biển Đà Nẵng giai đoạn 2005 - 2011, đề tài đã rút ra những kết quả đạt được và những hạn chế, tồn tại trong quá trình thực hiện, từ đó đề xuất các giải pháp cũng như những kiến nghị nhằm phát triển du lịch biển Đà Nẵng tương xứng với tiềm năng của mình trong thời gian đến.

6. Kết cấu của luận văn: Nội dung nghiên cứu gồm 03 chương:

➤ Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển du lịch biển.

➤ Chương 2: Thực trạng phát triển du lịch biển tại thành phố Đà Nẵng.

➤ Chương 3: Định hướng và các giải pháp chủ yếu để phát triển du lịch biển Đà Nẵng đến năm 2020.

Chương 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN

1.1. TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH BIỂN

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về du lịch

1.1.1.1. Khái niệm du lịch: Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ về kinh tế - kỹ thuật - văn hóa - xã hội, phát sinh do sự tác động hỗ tương giữa du khách, đơn vị cung ứng dịch vụ, chính quyền và cư dân bản địa trong quá trình khai thác các tài nguyên du lịch, tổ chức kinh doanh phục vụ du khách.

1.1.1.2. Khái niệm du lịch biển: Du lịch biển là loại hình du lịch gắn liền với biển, thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động tắm biển, nghỉ dưỡng, thể thao biển (bóng chuyền bãi biển, lướt ván...).

1.1.1.3. Đặc điểm của du lịch biển

** Đặc điểm về sản phẩm*

- Sản phẩm du lịch về cơ bản là không cụ thể, không tồn tại dưới dạng vật thể. Do vậy, việc đánh giá chất lượng sản phẩm du lịch rất khó khăn.

- Sản phẩm du lịch thường được tạo ra gắn liền với yếu tố tài nguyên du lịch. Do vậy, sản phẩm du lịch không thể dịch chuyển được.

- Phần lớn quá trình tạo ra và tiêu dùng các sản phẩm du lịch trùng nhau về không gian và thời gian. Chúng không thể cất đi, tồn kho như các hàng hóa thông thường khác.

- Việc tiêu dùng sản phẩm du lịch thường không diễn ra đều đặn, mà chỉ có thể tập trung vào những thời gian nhất định. Vì vậy, trên thực tế hoạt động kinh doanh du lịch thường mang tính mùa vụ.

** Đặc điểm về điều kiện phát triển*

- Điều kiện về tài nguyên du lịch biển: được chia làm hai nhóm: tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn.

- Điều kiện về cơ sở hạ tầng: bao gồm các điều kiện về tổ chức, các điều kiện về kỹ thuật và các điều kiện về kinh tế.

1.1.2. Ý nghĩa kinh tế - xã hội của phát triển du lịch

1.1.2.1. Ý nghĩa kinh tế của phát triển du lịch

** Ý nghĩa kinh tế của phát triển du lịch nội địa:* Tham gia tích cực vào quá trình tạo nên thu nhập quốc dân, làm tăng thêm tổng sản phẩm quốc nội; tham gia quá trình phân phối lại thu nhập quốc dân giữa các vùng. Du lịch nội địa phát triển tốt sẽ củng cố sức khỏe cho nhân dân lao động, góp phần làm tăng năng suất lao động xã hội. Ngoài ra du lịch nội địa giúp cho việc sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật của du lịch quốc tế được hợp lý hơn.

** Ý nghĩa kinh tế của phát triển du lịch quốc tế chủ động:*

Tác động tích cực vào việc làm tăng thu nhập quốc dân thông qua thu ngoại tệ, đóng góp vai trò to lớn trong việc cân bằng cán cân thanh toán quốc tế. Du lịch là hoạt động xuất khẩu có hiệu quả cao nhất, khuyến khích và thu hút vốn đầu tư nước ngoài, góp phần củng cố và phát triển các mối quan hệ kinh tế quốc tế.

** Ý nghĩa kinh tế của phát triển du lịch quốc tế thụ động:* Du lịch quốc tế thụ động là hình thức nhập khẩu đối với đất nước gửi khách đi ra nước ngoài. Bù đắp vào đó là hiệu quả của chuyến đi du lịch đối với người dân.

** Ngoài ra du lịch còn có những đóng góp khác cho phát triển kinh tế:* như làm tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển theo.

1.1.2.2. Ý nghĩa xã hội của phát triển du lịch: Du lịch góp phần giải quyết công ăn việc làm cho người dân, làm giảm quá trình đô thị hóa ở các nước phát triển, là phương tiện tuyên truyền quảng cáo có hiệu quả cho các nước chủ nhà. Du lịch làm tăng thêm tầm hiểu biết chung về xã hội của người dân; làm tăng thêm tình đoàn kết, hữu nghị, mối quan hệ hiểu biết.

1.2. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN

1.2.1. Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch biển: Cơ sở hạ tầng là một trong những nhân tố quan trọng đối với quá trình sản xuất kinh doanh. Nó là yếu tố đảm bảo về điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh được thực hiện.

Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch bao gồm: phát triển hệ thống cơ sở lưu trú; phát triển hệ thống nhà hàng; phát triển các trung tâm mua sắm, các khu bán hàng lưu niệm, các khu vui chơi, giải trí; phát triển các công ty kinh doanh du lịch.

Tiêu chí phản ánh phát triển về cơ sở hạ tầng du lịch biển: số lượng cơ sở lưu trú, số cơ sở lưu trú đạt tiêu chuẩn xếp hạng cao; số nhà hàng, số nhà hàng đạt tiêu chuẩn phục vụ theo chuẩn quốc gia, quốc tế; số trung tâm mua sắm, các khu vui chơi giải trí; số các cơ sở, doanh nghiệp tham gia kinh doanh du lịch; vốn đầu tư phát triển du lịch biển.

1.2.2. Phát triển sản phẩm du lịch biển

* *Phát triển số lượng sản phẩm du lịch biển:* bằng cách:

- Gia tăng số lượng các sản phẩm riêng rẽ bằng cách tạo ra sản phẩm mới hoặc bổ sung hoàn thiện sản phẩm hiện có.

- Liên kết nhiều dịch vụ thành sản phẩm trọn gói mới như: Nghỉ dưỡng - tắm biển - thể thao - mua sắm; Nghỉ dưỡng - tắm biển - thể thao - hội thảo

- Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, bao gồm phát triển cả du lịch biển, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa và du lịch công vụ.... tạo nên sự hấp dẫn níu chân du khách.

* *Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch biển:* Chất lượng sản phẩm du lịch được thể hiện qua những thuộc tính độc đáo, đặc thù, sự thân thiện, bầu không khí trong lành, sự hoang sơ của thiên nhiên... mang lại sự hài lòng, thích thú cho khách hàng khi hưởng thụ nó. Việc nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch biển được thể hiện thông qua: nâng cao mức độ hài lòng, thỏa mãn của khách du lịch, gia tăng khả năng thu hút khách hàng.

Nhóm chỉ tiêu phản ánh phát triển sản phẩm du lịch biển:

- Gia tăng số lượng các dịch vụ du lịch biển.

- Gia tăng mức độ hài lòng của khách du lịch biển.

1.2.3. Phát triển nguồn nhân lực du lịch biển: Phát triển nguồn nhân lực du lịch biển bao gồm cả phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực du lịch biển.

Nhóm chỉ tiêu đánh giá phát triển nguồn nhân lực du lịch biển: gia tăng số lượng lao động ngành du lịch biển; trình độ nguồn nhân lực du lịch biển và chất lượng phục vụ ngày càng nâng cao.

1.2.4. Gia tăng kết quả và đóng góp của du lịch biển: Sự phát triển của du lịch biển cuối cùng được thể hiện bằng sự gia tăng các kết quả tạo ra trong ngành du lịch và gia tăng sự đóng góp của du lịch biển vào ngành du lịch nói chung và gia tăng đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nhóm chỉ tiêu đánh giá kết quả và đóng góp của du lịch biển: gia tăng lượng khách du lịch biển và số ngày lưu trú; gia tăng mức chi tiêu của du khách; mức gia tăng doanh thu của du lịch biển; gia tăng tỷ lệ đóng góp của du lịch biển vào doanh thu ngành du lịch; gia tăng tỷ lệ đóng góp của du lịch biển vào giá trị sản xuất/GDP của địa phương; gia tăng việc làm, thu nhập cho người dân địa phương; gia tăng đóng góp vào ngân sách.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN

1.3.1. Điều kiện tự nhiên: Bao gồm các yếu tố về địa hình, vị trí địa lý, khí hậu, nhiệt độ nước biển và cả tài nguyên nhân văn.

1.3.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

1.3.2.1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Sự phát triển của nền sản xuất xã hội có tầm quan trọng hàng đầu làm xuất hiện nhu cầu du lịch và biến nhu cầu của con người thành hiện thực. Sự phát triển của nền sản xuất xã hội có tác dụng trước hết làm ra đời hoạt động du lịch, rồi sau đó đẩy nó phát triển với tốc độ nhanh hơn.

1.3.2.2. Dân cư và lao động: Dân cư là lực lượng sản xuất quan trọng của xã hội. Cùng với hoạt động lao động, dân cư còn có nhu cầu nghỉ ngơi và du lịch.

1.3.2.3. Cơ sở hạ tầng xã hội và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

* *Cơ sở hạ tầng xã hội:* được xem là những yếu tố đảm bảo điều kiện chung cho việc phát triển du lịch. Cơ sở hạ tầng là tiền đề, là đòn bẩy của mọi hoạt động kinh tế, trong đó có du lịch.

* *Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch:* được hiểu là toàn bộ các phương tiện vật chất kỹ thuật do các tổ chức du lịch tạo ra để khai thác tiềm năng du lịch, tạo ra sản phẩm dịch vụ, hàng hóa cung cấp và thỏa mãn nhu cầu của du khách. Bao gồm hệ thống khách sạn, nhà hàng, các khu vui chơi giải trí, phương tiện vận chuyển,... Trình độ phát triển của cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch là điều kiện, đồng thời cũng là sự thể hiện trình độ phát triển du lịch của một đất nước.

1.3.3. Tình hình chính trị và các điều kiện an toàn đối với du khách: Các nhân tố chính trị là điều kiện đặc biệt quan trọng có tác dụng hoặc thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của du lịch trong nước và quốc tế.

1.3.4. Chính sách của Nhà nước: cũng là nhân tố ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của ngành du lịch thể hiện ở việc thu hút đầu tư cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch phát triển.

1.3.5. Cộng đồng dân cư: có vai trò to lớn trong bảo tồn tài nguyên, môi trường và văn hóa địa phương đảm bảo việc khai thác có hiệu quả các giá trị tài nguyên du lịch biển phục vụ các mục tiêu phát triển lâu dài.

1.4. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN

1.4.1. Phát triển du lịch biển Nha Trang - Khánh Hòa: Là tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, Khánh Hòa có bờ biển trải dài 385 km với hơn 200 hòn đảo lớn nhỏ, môi trường tự nhiên khá trọn vẹn, khí hậu ôn hòa đầy nắng gió quanh năm... là điều kiện lý tưởng để vùng biển xinh đẹp này phát triển mạnh du lịch biển, đảo.

Nhờ tính chuyên nghiệp cao, cộng với công tác xúc tiến quảng bá hình ảnh, Nha Trang đã trở thành thành phố chuyên tổ chức các sự kiện. Sự ra đời của các khu du lịch lớn cũng góp phần tôn vinh hình ảnh không thể thiếu trên thị trường du lịch. Cùng với đó, Khánh Hòa còn xây dựng hệ thống công viên cây xanh tạo nên những cảnh quan thiên nhiên độc đáo; tập trung phát triển du lịch thám hiểm biển, thể thao, giải trí trên biển, du lịch nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái biển. Ở các điểm du lịch, Nha Trang đã làm tốt công tác dịch vụ kèm theo cho tài nguyên biển, công tác vệ sinh, an toàn trên các bãi biển được chú trọng. Bên cạnh đó, Khánh Hòa đã và đang có những định hướng lớn trong công tác quy hoạch du lịch theo hướng phát triển có trọng tâm, trọng điểm, cùng với việc nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm để tạo bước đột phá nhằm tạo dựng thương hiệu Du lịch biển Nha Trang - Khánh Hòa.

1.4.2. Một số kinh nghiệm từ phát triển du lịch biển Nha Trang - Khánh Hòa: Trước hết, đó là vai trò của chính quyền tỉnh Khánh Hòa trong công tác quy hoạch và thu hút đầu tư vào du lịch, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm du lịch; công tác bảo vệ môi trường, an ninh bãi biển luôn được quan tâm nhằm đem lại sự an toàn cho du khách; công tác xúc tiến quảng bá du lịch được chú trọng. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt làm được, Nha Trang cũng cần xem lại công tác quy hoạch bãi biển.

Chương 2:**THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG****2.1. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DU
LỊCH BIỂN CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG****2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên****2.1.1.1. Vị trí địa lý, địa hình, khí hậu**

- Đà Nẵng nằm ở vị trí trung độ của đất nước, là trung điểm của tam giác di sản văn hoá thế giới nổi tiếng, là một trong những cửa ngõ quan trọng ra biển, nằm trên trục hành lang kinh tế Đông Tây. Với vị trí này đã tạo điều kiện để Đà Nẵng có lợi thế so sánh về du lịch với các địa phương khác trên cả nước.

- Địa hình thành phố Đà Nẵng vừa có đồng bằng vừa có núi, với cảnh quan ven biển đẹp, độc đáo, các dạng địa hình tương phản gây nên sự hấp dẫn đối với du khách sẽ là điều kiện và cơ hội thuận lợi cho du lịch biển Đà Nẵng phát triển.

- Đà Nẵng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, nhiệt độ cao và ít biến động. Với điều kiện khí hậu này rất thích hợp để phát triển du lịch biển.

2.1.1.2. Tiềm năng du lịch biển của thành phố Đà Nẵng: Bờ biển Đà Nẵng với nhiều bãi biển đẹp nằm rải rác từ phía Bắc đến phía Nam. Biển Đà Nẵng đã được tạp chí Forbes bình chọn là một trong sáu bãi biển đẹp nhất hành tinh, với những khu du lịch sinh thái, nhiều địa danh du lịch tâm linh nổi tiếng cùng nhiều khu nghỉ dưỡng rất sang trọng. Đà Nẵng nằm ở trung tâm của tam giác di sản văn hoá thế giới, hệ thống giao thông đường bộ, đường hàng không, đường thủy ngày càng mở rộng và hoàn thiện hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch biển phát triển. Bên cạnh đó, biển Đà Nẵng có độ sóng

nhỏ, nước êm, nước trong xanh bốn mùa, không bị ô nhiễm. Độ mặn vào khoảng 60%, độ an toàn cao. Một số nơi có nhiều san hô, nguồn động thực vật ven bờ và dưới bờ biển phong phú. Điều đặc biệt là hầu hết các bãi tắm đều gần trung tâm thành phố, đường sá thuận lợi; có thể đi đến bằng nhiều loại phương tiện khác nhau.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

2.1.2.1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Với sự năng động của nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và liên tục trong nhiều năm, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, chỉ số năng lực cạnh tranh liên tục đứng đầu cả nước, Đà Nẵng có thế và lực để thu hút đầu tư vào ngành du lịch.

2.1.2.2. Dân số, lao động, việc làm: Đà Nẵng với dân số đông, lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao, có chỉ số phát triển giáo dục với hệ thống giáo dục khá hoàn chỉnh là cơ sở để cung cấp nguồn nhân lực đảm bảo về số lượng và chất lượng cho ngành du lịch.

2.1.2.3. Cơ sở hạ tầng: Trong những năm qua, Đà Nẵng đã có những chuyển biến mạnh mẽ, cơ sở hạ tầng được đầu tư, nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố.

2.1.3. Tình hình chính trị và các điều kiện an toàn đối với du khách: Trong vài năm trở lại đây, trong bối cảnh tình hình thế giới rất phức tạp, Việt Nam được đánh giá là điểm an toàn nhất trong khu vực Đông Nam Á. Đối với Đà Nẵng, bằng sự nỗ lực của mình, tình hình an ninh trật tự của thành phố được đảm bảo, tạo sự yên tâm cho du khách.

2.1.4. Các chính sách phát triển du lịch biển: Với chủ trương đẩy mạnh phát triển du lịch, trong đó có du lịch biển, chính quyền thành phố Đà Nẵng đã thực hiện nhiều chính sách như chính sách xúc tiến

du lịch, chính sách thu hút đầu tư, chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, tuyên truyền đối với người dân... nhằm thực hiện mục tiêu đề ra.

2.1.5. Cộng đồng dân cư: Từ khi có Đề án xây dựng nếp sống văn minh đô thị, Đà Nẵng đã có những bước tiến mới, diện mạo thành phố đổi thay từng ngày, môi trường cảnh quan trong lành khang trang, người dân có ý thức, thân thiện và hiếu khách.

2.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2005 - 2011

2.2.1. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng du lịch biển

2.2.1.1. Hệ thống cơ sở lưu trú: Số lượng khách sạn tăng liên tục qua các năm với tốc độ tăng bình quân là 26,14%. Số lượng phòng cũng tăng lên liên tục và tăng nhanh qua các năm, từ 2.348 phòng vào năm 2005 lên 7.423 phòng vào năm 2011. Cùng với sự tăng lên của số lượng khách sạn thì các khách sạn chất lượng cao cũng tăng lên, tuy nhiên con số này còn khá khiêm tốn trong tổng số khách sạn toàn thành phố.

Hoạt động kinh doanh của các khách sạn giữ tốc độ tăng trưởng khá ổn định với công suất sử dụng phòng bình quân là 75%, các khách sạn ven biển và khách sạn 3 - 5 sao có công suất sử dụng phòng vào mùa hè có thể lên đến 90 - 100%.

2.2.1.2. Hệ thống nhà hàng, cửa hàng bán đồ lưu niệm

Hệ thống nhà hàng có hơn 200 nhà hàng ăn uống, thực đơn ẩm thực phục vụ khách khá đa dạng. Tuy nhiên, các nhà hàng, quán ăn thường phục vụ các món nhậu, chủ yếu phục vụ cho khách tại chỗ, ít có nhà hàng để lại ấn tượng cho du khách.

Về dịch vụ bán hàng lưu niệm, các doanh nghiệp mới chỉ kinh doanh một số loại sản phẩm từ trước đến nay là: đá mỹ nghệ

Non Nước, tranh (sơn mài, vẽ, thêu...), vải tơ tằm, hải sản khô, nem tré... Tuy nhiên, các điểm kinh doanh hàng lưu niệm là rải rác, thiếu tập trung, gây khó khăn cho du khách trong việc tìm kiếm, đặc biệt đối với khách quốc tế. Ngoài ra, giá các mặt hàng lưu niệm cũng thường có sự phân biệt giữa khách quốc tế và khách nội địa.

Số cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt chất lượng chưa nhiều, chưa đáp ứng được nhu cầu mua sắm, ăn uống của khách du lịch. Hiện nay, toàn thành phố có khoảng 35 cơ sở được công nhận danh hiệu "Đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch", trong đó 22 cơ sở ăn uống và 13 cơ sở mua sắm.

2.2.1.3. Hệ thống các công ty kinh doanh du lịch: Tổng số doanh nghiệp kinh doanh du lịch ở Đà Nẵng hiện nay là 521 doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực du lịch của thành phố Đà Nẵng tăng khá nhanh (bình quân 19,49%/năm). Kinh doanh lưu trú và nhà hàng ở Đà Nẵng có xu hướng phát triển hơn so với kinh doanh lữ hành. Tính đến cuối năm 2011 có 108 đơn vị kinh doanh lữ hành, trong đó có 31 đơn vị kinh doanh lữ hành quốc tế, 34 đơn vị kinh doanh lữ hành nội địa, 24 chi nhánh lữ hành quốc tế và 15 văn phòng đại diện. Các công ty du lịch ở Đà Nẵng phần lớn làm nhiệm vụ nối tour cho các hãng lữ hành của Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh nên bị động về nguồn khách. Khả năng khai thác nguồn khách du lịch quốc tế trực tiếp còn thấp. Hoạt động kinh doanh lữ hành tại Đà Nẵng khá ổn định và phát triển nhanh, các loại hình tour tuyến khá đa dạng. Tuy nhiên, hoạt động lữ hành còn có những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh, việc phối hợp, hợp tác giữa lữ hành và khách sạn vẫn còn hạn chế.

2.2.1.4. Hoạt động đầu tư phát triển du lịch biển: Trong thời gian qua, với nhiều chính sách nhằm thu hút vốn đầu tư, tình hình đầu tư

vào du lịch có những bước tiến đáng kể. Trong thời gian khá ngắn, thành phố đã thu hút nhiều dự án đầu tư và hình thành các khu du lịch có quy mô lớn, hiện đại, tập trung vào các lĩnh vực khách sạn, khu nghỉ dưỡng biển... Tính đến năm 2011, thành phố có 57 dự án đầu tư vào du lịch với tổng số vốn 3.148,2 triệu USD, trong đó có 11 dự án đầu tư nước ngoài và 46 dự án đầu tư trong nước.

2.2.2. Thực trạng phát triển sản phẩm du lịch biển

2.2.2.1. Số lượng sản phẩm du lịch biển: Du lịch biển Đà Nẵng đã có gần như đầy đủ các loại hình du lịch biển - gắn với biển có tắm biển, nghỉ dưỡng, lặn biển, thể thao trên biển (lướt sóng, đua thuyền, mô tô nước...); gắn với đời sống dân cư vùng biển có các hình thức tham quan, tìm hiểu các hoạt động văn hóa địa phương, mua sắm sản phẩm du lịch... Đà Nẵng còn phát triển các dịch vụ chất lượng cao phục vụ mọi loại đối tượng, đó là các khu mua sắm, các resort cao cấp ven biển. Tuy nhiên, các sản phẩm du lịch vẫn chưa đa dạng, hấp dẫn. Đó là, đối với sản phẩm du lịch biển, chủ yếu Đà Nẵng khai thác dịch vụ tắm biển, bên cạnh đó thì có thêm các tour lặn biển ngắm san hô,... nhưng không có các dịch vụ hỗ trợ đi kèm như các sản phẩm lưu niệm, siêu thị miễn thuế, các khu vui chơi, giải trí phục vụ du khách, phố du lịch, ...

2.2.2.2. Chất lượng sản phẩm du lịch biển: Theo kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng vào năm 2010 về mức độ hài lòng của khách nội địa đối với điểm đến Đà Nẵng: Mức điểm trung bình đo lường về mức độ hài lòng chung của du khách sau khi đến với Đà Nẵng là 4,15 (trên thang điểm 5) với độ lệch chuẩn là 0,738, trong đó có tới 82,9% đánh giá trên 4 điểm. Cũng theo kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng, mức điểm trung bình đo lường về mức độ hài lòng

chung của du khách quốc tế sau khi đến với Đà Nẵng là 3,8 trên thang điểm 4. Điều này cho thấy mức độ hài lòng của du khách địa đối với điểm đến Đà Nẵng là khá cao, tuy nhiên du khách hiện nay đến Đà Nẵng vẫn chỉ dừng lại ở nhu cầu tham quan là cơ bản.

2.2.3. Thực trạng phát triển nguồn nhân lực du lịch biển

** Nguồn nhân lực còn rất yếu và thiếu:* Trong những năm qua, số lượng lao động trong ngành du lịch không ngừng tăng lên với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2005 - 2009 là 8,21%/năm. Cùng với việc gia tăng về số lượng, chất lượng lao động cũng có xu hướng tăng lên, thể hiện ở số lượng lao động đã qua đào tạo tăng lên qua các năm. Tuy vậy, số lao động chưa qua đào tạo vẫn chiếm tỉ lệ lớn (32%), đặc biệt rất thiếu nhân lực quản lý cấp chuyên nghiệp. Chất lượng lao động nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.

** Nguồn nhân lực trong du lịch chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển du lịch trong giai đoạn tới:* Tính đến năm 2009, số lao động du lịch là 5.822 người. Với tốc độ phát triển du lịch như hiện nay, dự kiến đến năm 2015, số lao động dịch vụ sẽ cần khoảng 19.000 người mới có thể đáp ứng được hơn 15.500 phòng khách sạn.

Hiện nay cả nước nói chung và Đà Nẵng nói riêng đang thiếu trầm trọng nhân lực trong ngành du lịch. Đội ngũ nhân viên hoạt động trong ngành du lịch thiếu tính chuyên nghiệp và chỉ một phần nhỏ được đào tạo bài bản tại các cơ sở du lịch có uy tín, đặc biệt là tình trạng thiếu hướng dẫn viên có trình độ ngoại ngữ thành thạo đã làm ảnh hưởng lớn đến chất lượng sản phẩm du lịch nói riêng và hình ảnh du lịch Đà Nẵng, du lịch Việt Nam nói chung.

2.2.4. Kết quả và đóng góp của du lịch biển

2.2.4.1. Số lượng, cơ cấu khách du lịch: Có thể nói thị trường khách du lịch của Đà Nẵng đã không ngừng mở rộng về quy mô. Lượng

khách du lịch đến Đà Nẵng có xu hướng tăng với tốc độ tăng bình quân là 21,29%/năm. Về cơ cấu khách du lịch, khách du lịch nội địa luôn chiếm thị phần cao với tỷ trọng trên 65% trong tổng số lượt khách du lịch đến Đà Nẵng, tốc độ tăng của lượng khách du lịch nội địa đến thành phố luôn cao hơn tốc độ tăng của lượng khách du lịch quốc tế (tương ứng là 25,04% và 12,01%).

2.2.4.2. Thời gian lưu trú của khách du lịch: Cùng với sự tăng lên của số lượng khách thì thời gian lưu trú của du khách cũng có xu hướng kéo dài hơn, tuy nhiên thời gian lưu trú bình quân của du khách tại Đà Nẵng còn thấp, đạt trung bình từ 1,5 đến 1,7 ngày, thấp hơn một số địa phương trong vùng như Quảng Nam và Thừa Thiên Huế.

2.2.4.3. Doanh thu du lịch biển: Doanh thu chuyên ngành du lịch tăng trưởng bình quân 27,4%/năm, đặc biệt là trong năm 2010. Trong cơ cấu doanh thu, doanh thu từ các hoạt động dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng cao hơn so doanh thu từ các hoạt động lữ hành. Trong giai đoạn này, tỷ trọng của doanh thu từ dịch vụ luôn giữ mức trên 60% trong tổng doanh thu của ngành du lịch với tốc độ tăng trưởng bình quân năm là 27,65%, trong khi đó tốc độ tăng trưởng bình quân của doanh thu từ các hoạt động lữ hành là 26,53%.

2.2.4.4. Đóng góp của du lịch biển vào phát triển kinh tế xã hội của thành phố Đà Nẵng: Năm 2010, doanh thu du lịch biển là 452.235 triệu đồng, chiếm 36,5% doanh thu của ngành du lịch và cùng với ngành du lịch đóng góp đáng kể vào ngân sách cũng như trong GDP của thành phố (tỷ trọng đóng góp của ngành du lịch trong GDP của thành phố là 5,12%). Từ những kết quả đã đạt được, có thể khẳng định ngành kinh tế du lịch nói chung, du lịch biển nói riêng có vai trò hết sức quan trọng trong cơ cấu kinh tế của thành phố, góp phần tạo

công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân, thu hút đầu tư, nâng cao vị thế, hình ảnh của Đà Nẵng, đóng góp tích cực vào GDP, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tuy vậy, những kết quả đạt được như hiện nay vẫn chưa cân xứng với tiềm năng và lợi thế về du lịch của thành phố.

Chương 3:

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2020

3.1. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2020

3.1.1. Những cơ hội, thách thức cơ bản của phát triển du lịch biển Đà Nẵng

3.1.1.1. Cơ hội

- Quan điểm phát triển và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố đã nhấn mạnh tầm quan trọng của du lịch.
- Toàn cầu hóa, hội nhập sẽ tác động đến sự phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng của các quốc gia trên thế giới.
- Đà Nẵng là thành viên Tổ chức xúc tiến du lịch các thành phố khu vực châu Á - Thái Bình Dương (TPO).
- Vị trí thuận lợi, tiềm năng lớn.

3.1.1.2. Thách thức

- Cạnh tranh
- Sản phẩm du lịch chưa đa dạng, hấp dẫn
- Môi trường du lịch chưa tốt

3.1.2. Mục tiêu phát triển

3.1.2.1. Mục tiêu tổng quát: Theo Quyết định số 7099/QĐ-UBND ngày 17/9/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng Phê duyệt quy hoạch tổng thể ngành văn hóa, thể thao và du lịch thành phố Đà Nẵng đến

năm 2020 nêu rõ: Giá trị tăng thêm của ngành văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2011 - 2020 tăng bình quân 18,8%. Nâng tỷ trọng ngành văn hóa, thể thao và du lịch trong cơ cấu kinh tế của thành phố từ 6,56% năm 2010 lên 7,97% vào năm 2015 và 11,12% vào năm 2020.

3.1.2.2. Mục tiêu cụ thể: Số lượt khách đến với Đà Nẵng đến năm 2015 đạt khoảng 3,5 triệu lượt khách và đến năm 2020 đạt 8,1 triệu lượt khách, tốc độ tăng trung bình hàng năm giai đoạn 2011 - 2020 đạt 18,37%. Trong đó, khách quốc tế khoảng 700 ngàn lượt khách vào năm 2015 và 1,4 triệu lượt khách vào năm 2020. Doanh thu chuyên ngành du lịch đạt 3,1 ngàn tỷ đồng vào năm 2015 và đến năm 2020 tăng lên đến 10,1 ngàn tỷ đồng. Giá trị tăng thêm lĩnh vực du lịch vào năm 2010 đạt 1,5 ngàn tỷ đồng và đến năm 2020 đạt 13,86 ngàn tỷ đồng, chiếm 9,25% GDP của thành phố với tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2011 - 2020 đạt 17 - 18%/ năm. Đến năm 2015 tạo thêm khoảng 6,7 ngàn việc làm trực tiếp trong ngành du lịch và hơn 9 ngàn việc làm vào năm 2020.

3.1.3. Định hướng phát triển

3.1.3.1. Định hướng chung

- Xem phát triển du lịch là một hướng chiến lược quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung đầu tư phát triển du lịch Đà Nẵng.

- Tranh thủ khai thác mọi nguồn lực trong và ngoài nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm đảm ứng yêu cầu phát triển.

- Phát triển du lịch trong mối quan hệ hữu cơ với các ngành kinh tế - kỹ thuật của thành phố.

- Phát triển du lịch kết hợp chặt chẽ việc khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên du lịch với việc bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh.

3.1.3.2. Định hướng phát triển du lịch biển: Du lịch biển là loại hình quan trọng nhất trong phát triển du lịch Đà Nẵng, có khả năng thu hút nhiều khách du lịch trong và ngoài nước lưu trú dài ngày. Hình thành các khu nghỉ dưỡng ven biển quy mô lớn, chất lượng cao có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực và thế giới. Xem đây là hướng đột phá để xây dựng du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN ĐÀ NẴNG

3.2.1. Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch biển

- Phát triển cả số lượng và chất lượng cơ sở lưu trú nhằm đáp ứng nhu cầu của ngành du lịch.

- Nâng cao chất lượng phương tiện phục vụ và tiếp đón hành khách; nâng cấp và xây dựng thêm các khu vui chơi giải trí, các resort, các khu mua sắm lớn, hiện đại và đa dạng hóa về chủng loại hàng hóa, các khu thể thao phù hợp với điều kiện địa hình của thành phố.

- Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng giao thông phục vụ cho du lịch, hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc, xây dựng và cải tạo mạng lưới cấp điện cho các khu đô thị và du lịch. Cung cấp đầy đủ nước sạch đáp ứng yêu cầu của du lịch. Mở rộng, cải tạo hệ thống thoát nước.

3.2.2. Tăng cường thu hút vốn đầu tư cho phát triển du lịch biển:

Trước hết, thực hiện huy động vốn từ nguồn nội lực, tức từ các doanh nghiệp và cá nhân trong thành phố theo phương châm xã hội hóa.

Bên cạnh đó, cần có những biện pháp để thu hút nguồn vốn trong và ngoài nước, có những chính sách thông thoáng, ưu đãi để thu hút họ đầu tư. Đối với nguồn vốn ngân sách nên sử dụng để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ việc phát triển du lịch biển.

3.2.3. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch biển và hướng tới sản phẩm có giá trị cao: Trước tiên, ưu tiên phát triển du lịch biển và nghỉ dưỡng biển chất lượng cao theo hướng hình thành các khu nghỉ dưỡng ven biển quy mô lớn, chất lượng cao có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, với định hướng đưa biển trở thành sản phẩm du lịch hấp dẫn, Đà Nẵng cần tập trung đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch biển hấp dẫn du khách như thuyền buồm, du thuyền, thám hiểm đại dương, câu mực về đêm, ngắm san hô; phát triển các loại hình thể thao trên biển như: dù kéo, mô-tô nước, lướt ván, lướt ván buồm, thuyền chuối cùng một số các dịch vụ bổ sung làm tăng thêm sức hấp dẫn cho biển. Tại khu du lịch Nam Thọ - Sơn Trà, có thể tiến hành xây dựng thành trung tâm giải trí biển, hình thành các tour du ngoạn biển để chiêm ngưỡng mái nhà xanh của thành phố và khám phá thế giới đại dương kỳ thú. Bên cạnh đó, để tạo những sản phẩm dịch vụ đa dạng, phong phú, có thể phát triển theo hình thức kết hợp du lịch biển - núi tại khu du lịch Hải Vân - sông Trường Định - vịnh Đà Nẵng. Và một điều không thể thiếu đó là phát triển các sản phẩm vui chơi giải trí cao cấp; cần đầu tư xây dựng bến cảng du lịch, bãi tắm du lịch kiểu mẫu; nâng cao chất lượng các cơ sở lưu trú, nhà hàng ven biển hiện có; hình thành các khu bán hàng lưu niệm, giải trí, khu ẩm thực vùng biển và các dịch vụ phục vụ khách khu vực ven biển.

Để phát triển du lịch biển Đà Nẵng, cần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, bao gồm phát triển cả du lịch biển, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa và du lịch công vụ...

3.2.4. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch

- Kiện toàn bộ máy quản lý du lịch nhằm đảm bảo công tác quản lý, tổ chức và chỉ đạo.
- Thu hút chuyên gia có nhiều kinh nghiệm chuyên môn, quản lý.
- Chuẩn hóa chất lượng đội ngũ cán bộ hiện có.
- Chú trọng công tác đào tạo.

3.2.5. Tăng cường quản lý Nhà nước đối với kinh doanh du lịch biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

- Xây dựng các đề án về quy hoạch và kế hoạch phát triển du lịch biển trên địa bàn, công bố rộng rãi quy hoạch phát triển du lịch biển của thành phố, ban hành thống nhất quy chế quản lý các khu du lịch đã được quy hoạch.
- Phối hợp, liên kết chặt chẽ trong nội bộ ngành du lịch cũng như với các ban, ngành khác để thống nhất trong tổ chức quản lý hoạt động du lịch.
- Kiện toàn bộ máy quản lý du lịch đủ mạnh, tham mưu có hiệu quả cho UBND thành phố về các vấn đề phát triển du lịch biển.
- Triển khai sắp xếp lại các doanh nghiệp trên địa bàn theo hướng chuyên môn hoá. Thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động kinh doanh đảm bảo việc tuân thủ pháp luật và các quy định của nhà nước. Tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động.
- Thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong du lịch.

3.2.6. Tăng cường phối hợp giữa các ngành, mở rộng hợp tác liên kết khu vực và hợp tác quốc tế

* *Phối hợp giữa các ngành:* Trước hết, thực hiện phối hợp giữa ba lĩnh vực văn hoá - thể thao - du lịch. Ngoài ra, cần có sự liên kết, phối hợp giữa ngành văn hóa, thể thao và du lịch với các ngành khác đặc biệt là ngành thương mại dịch vụ nhằm tận dụng tối đa những tiềm năng, lợi thế để phát triển các lĩnh vực trong ngành nhất là lĩnh vực du lịch.

* *Mở rộng hợp tác liên kết khu vực và hợp tác quốc tế:* Du lịch Đà Nẵng cần phối hợp với các tỉnh lân cận hình thành một mạng lưới không gian du lịch với các tuyến, điểm, tour du lịch phong phú, đa dạng. Đồng thời với các giải pháp phát huy nội lực, cần coi trọng việc mở rộng hợp tác quốc tế để phát triển nhanh hơn nữa du lịch Đà Nẵng, gắn thị trường du lịch Đà Nẵng với thị trường du lịch quốc gia, khu vực và thế giới. Đa dạng hoá, đa phương hoá hợp tác du lịch với các cá nhân và tổ chức quốc tế.

3.2.7. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến du lịch biển

Công tác quảng bá - tiếp thị của ngành du lịch Đà Nẵng trong thời gian qua mặc dù được thực hiện nhưng vẫn chưa mang lại hiệu quả. Vì vậy, việc làm cấp bách hiện nay là du lịch Đà Nẵng phải vạch ra chiến lược tăng cường quảng bá hình ảnh du lịch biển Đà Nẵng đến các khu vực thị trường trong nước và quốc tế.

Tham gia thường xuyên các hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo du lịch quốc tế ở nước ngoài; đồng thời tổ chức hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo du lịch quốc tế; phối hợp với các ngành, các địa phương khác tiến hành các chiến dịch phát động thị trường.

Tăng cường tuyên truyền quảng bá trên các phương tiện truyền thông, phương tiện thông tin đại chúng với các loại hình khác

nhau. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các chương trình để quảng bá du lịch Đà Nẵng như: Biển gọi, Cuộc thi bắn pháo hoa quốc tế...

3.2.8. Bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch biển: Bản chất của giải pháp này là việc phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo tồn tài nguyên, môi trường và văn hóa địa phương đảm bảo việc khai thác có hiệu quả các giá trị tài nguyên du lịch biển phục vụ các mục tiêu phát triển lâu dài. Để thực hiện mục tiêu này, sau đây là các giải pháp cụ thể:

- Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên, môi trường du lịch
- Đánh giá toàn diện tiềm năng, tài nguyên và môi trường du lịch biển; xây dựng hệ thống quản lý tài nguyên và môi trường du lịch biển.
- Cần có biện pháp tổ chức trồng cây xanh ven biển để khôi phục cảnh quan ven biển, bảo vệ môi trường.
- Tuyên truyền sâu rộng về ý thức bảo vệ môi trường biển trong bộ phận dân cư và du khách.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị với Chính phủ

- Tiếp tục tranh thủ quan hệ ngoại giao để đăng cai tổ chức các hội nghị khu vực, các sự kiện thể thao, các sự kiện quan trọng khác để quảng bá du lịch Việt Nam.
- Có chính sách ưu tiên nhằm khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư mở các trường đào tạo du lịch để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực.
- Tạo hành lang pháp lý chặt chẽ nhưng thông thoáng.

- Tăng cường phối hợp giữa ngành du lịch với các ngành khác và với các Đại sứ quán.

3.3.2. Kiến nghị với Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng chiến lược phát triển du lịch của địa phương trên cơ sở cụ thể hóa chiến lược quốc gia.

- Tổ chức công tác nghiên cứu và chỉ đạo về khai thác thị trường ở tầm vĩ mô.

- Hướng dẫn và hỗ trợ các địa phương và doanh nghiệp đào tạo về kỹ năng tổ chức thông tin thị trường và quản lý chất lượng, đổi mới công nghệ.

- Kịp thời đề xuất các chính sách, cơ chế phù hợp và tiến hành tổng kết thực tiễn, nhân rộng mô hình tốt ở các địa phương ra cả nước.

3.3.3. Kiến nghị với UBND thành phố Đà Nẵng

- Có kế hoạch tập trung nguồn lực phát triển du lịch biển.

- Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành thống nhất của lãnh đạo UBND thành phố, sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban ngành.

- Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, ban hành nhiều chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư.

- Nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ cán bộ ngành du lịch.

- Tạo sự gắn kết giữa cơ quan quản lý nhà nước về du lịch với doanh nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp của thành phố liên kết, giao lưu, học hỏi trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau và với các địa phương khác.

- Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động của các đơn vị kinh doanh du lịch.

- Liên kết với các địa phương khác trong công tác đào tạo nguồn nhân lực, quảng bá hoạt động du lịch.

KẾT LUẬN

Trong những năm gần đây, ngành du lịch đang dần chiếm vị trí quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Với những lợi thế vốn có về du lịch biển của mình, Đà Nẵng đang từng bước phát triển theo hướng trở thành trung tâm du lịch của khu vực miền Trung và cả nước, là điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước.

Đề tài luận văn “*Phát triển du lịch biển Đà Nẵng*” đã giải quyết được một số nội dung sau:

- Phân tích, làm rõ một số lý luận cơ bản về du lịch và du lịch biển.

- Qua phân tích thực trạng phát triển du lịch biển Đà Nẵng giai đoạn 2005 - 2011, luận văn đã cho thấy được những tiềm năng, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức cho du lịch biển Đà Nẵng; đồng thời cũng nêu ra những mặt làm được, những mặt còn tồn tại của ngành du lịch Đà Nẵng trong quá trình phát triển.

- Trên cơ sở lý luận, thực trạng và định hướng, mục tiêu phát triển du lịch biển của chính quyền thành phố Đà Nẵng, tác giả đã đề xuất một số giải pháp và kiến nghị với các cấp có thẩm quyền nhằm phát triển du lịch biển Đà Nẵng tương xứng với tiềm năng của mình.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song luận văn không thể tránh khỏi những khiếm khuyết, tác giả rất mong nhận được sự đóng góp của Hội đồng và các thầy cô để luận văn mang tính khả thi hơn.